TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 /5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Minh Xuyên;

2/- Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 376/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: anh **Phạm Trọng H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu phố C, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: chị **Ngô Thị L,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu phố C, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Anh H và chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Trọng H trình bày: anh và chị Ngô Thị L quen biết nhau được gia đình hai bên làm đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ, chị L đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2013 đến nay không trở về.

- Về con chung: giữa anh và chị L có 01 con chung tên Phạm Khánh H sinh ngày 07/8/2007, hiện do anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L có quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

anh H yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp nhận cho anh được ly hôn với chị L, giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn chị Ngô Thị L không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Anh H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị L vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phạm Trọng H là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Chị Ngô Thị L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[2]. Giữa anh Phạm Trọng H và chị Ngô Thị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 12/4/2010.

Theo trình bày của anh H tại đơn khởi kiện và bản tự khai xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không hợp với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Chị L không có văn bản phản đối yêu cầu của anh H, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và và chị L thực tế có phát sinh; chị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa chị và anh H.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị L không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị L

[3]. Giữa anh H và chị L có 01 con chung tên Phạm Khánh Hưng sinh ngày 07/8/2007 do anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh H yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Tại bản tự khai cháu Hưng có nguyện vọng được sống chung với anh H.

Chị L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: Cháu Hưng hiện đang sống ổn định với anh H, yêu cầu nuôi con của anh H là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Hưng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu cháu Hưng cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: anh H không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí:

Anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho anh Phạm Trọng H được ly hôn với chị Ngô Thị L.

2. Giao cháu Phạm Khánh H sinh ngày 07/8/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí:

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01941ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh H không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh H và chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND phường 5, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT